BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRUYỀN THÔNG CHÍNH SÁCH

Đối với dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma tuý đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng theo trình tự, thủ tục rút gọn

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Công an tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma tuý đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng theo trình tự, thủ tục rút gọn, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Về cơ sở pháp lý

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định: *c) Bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương, vốn tự cân đối của ngân sách địa phương) thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương;*

- Căn cứ điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, trong đóm Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: *a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; b) Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; c) Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.*

- Căn cứ các điểm g, h, l khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, trong đó, Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn: *g) Quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách của ngân sách địa phương; h) Quyết định cụ thể hoặc giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ hoặc Bộ Tài chính phù hợp với khả năng*

cân đối của ngân sách địa phương; l) Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

- Căn cứ khoản 2 Điều 4Quyết định số 05/2026/QĐ-TTg ngày 27/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030. Quy định tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương: *2. Hệ số phân bổ cho các địa phương theo đối tượng xã: Hệ số gốc: a) Xã, phường, đặc khu không ma túy: hệ số 1,0; b) Xã, phường, đặc khu trọng điểm, phức tạp về ma túy loại III: hệ số 1,5; c) Xã, phường, đặc khu trọng điểm phức tạp về ma túy loại II: hệ số 2,0; d) Xã, phường, đặc khu trọng điểm phức tạp về ma túy loại I: hệ số 3,0. Hệ số tăng thêm: Xã, phường, đặc khu có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Hệ số gốc tăng thêm 1,5 lần.*

- Căn cứ khoản 2 Điều 5 Quyết định số 05/2026/QĐ-TTg quy định định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương: *2. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các địa phương: Căn cứ dự kiến tổng kinh phí sự nghiệp giai đoạn 5 năm và hằng năm được hỗ trợ từ ngân sách trung ương được cấp có thẩm quyền thông báo và điều kiện thực tế của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ, phương án phân bổ vốn để thực hiện các nội dung của Chương trình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phương án phân bổ kinh phí hỗ trợ cụ thể cho các cấp (tỉnh, xã), các ngành để triển khai hiệu quả nguồn vốn được giao theo nguyên tắc ưu tiên hỗ trợ tại Điều 4 Quyết định này.*

- Căn cứ khoản 4 Điều 6 Quyết định số 05/2026/QĐ-TTg quy định: *4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình tại Quyết định này; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định, gửi Bộ Công an tổng hợp theo quy định; trong đó bảo đảm bố trí vốn và bổ sung nguồn lực ưu tiên thực hiện công tác giảm cầu và hỗ trợ xã, phường, đặc khu trọng điểm, phức tạp về ma túy; phân bổ, giao và tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động, dự án, quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình theo quy định.*

Nội dung quy định là nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh theo Luật Ngân sách nhà nước và Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 nên không thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Cơ sở thực tiễn

Tỉnh Lâm Đồng là tỉnh nằm trong tuyến đường bộ trọng điểm phức tạp về ma túy đã được Bộ Công an phê duyệt[1]. Tính từ 15/12/2025 đến ngày 14/6/2026, toàn tỉnh phát hiện, bắt giữ 467 vụ - 903 đối tượng phạm tội về ma túy; khởi tố 416 vụ - 720 bị can. Tang vật thu giữ: 8,622kg Ma túy tổng hợp; 651ml Ma túy tổng hợp; 0,303kg Heroine; 61,1916g Cần sa khô; 221 cây Cần sa; 2,2197kg Cocaine; số tiền 385.700.000đ; 01 khẩu súng và các đồ vật, tài liệu có liên quan khác.... Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 3.449 người nghiện ma túy, 1.998 người sử dụng trái phép chất ma túy, 1.241 người bị quản lý sau cai nghiện ma túy. Năm 2025 tỉnh Lâm Đồng có 29 xã được công nhận xã không ma túy, phê duyệt 94 xã là địa bàn trọng điểm, phức tạp về ma túy loại III, 01 xã là địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy loại II[2].

Bên cạnh đó, tỉnh Lâm Đồng có 100/124 xã, phường, đặc khu thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gồm các xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng[3] trong đó có 05 xã biên giới[4] tiếp giáp với hai huyện Ô Răng và Pechanđa thuộc tỉnh Mondulkiri, Vương quốc Campuchia.

Do vậy, Nghị quyết cần quy định nguyên tắc, tiêu chí, hệ số, định mức phân bổ vốn phải cụ thể hóa phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, trong đó ưu tiên bố trí vốn cho các địa bàn trọng điểm, phức tạp về ma túy, các xã, phường, đặc khu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khu vực I, II, III và các xã biên giới làm cơ sở phân bổ vốn cho các cơ quan, đơn vị, địa phương, bảo đảm công khai, minh bạch, không dàn trải, không bình quân, sử dụng hiệu quả vốn được giao theo quy định.

Từ cơ sở pháp lý và thực tiễn phân tích trên, việc ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

Việc ban hành Nghị quyết nhằm cụ thể hóa các quy định của Trung ương về phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong công tác phòng, chống tội phạm ma túy.

---

[1]Quyết định số 495/QĐ-BCA, ngày 29/01/2026 của Bộ Công an phê duyệt danh sách tuyến, địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy, địa bàn không ma túy năm 2025.

[2]Theo Quyết định số 2791/QĐ-UBND, ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt 29 địa bàn cấp xã không ma túy; 94 địa bàn trọng điểm loại III; 01 địa bàn trọng điểm loại II.

[3]Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III, giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29/01/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố danh sách thôn, xã, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026-2030.

[4]Theo Phụ lục I kèm theo Nghị định số 299/2025/NĐ-CP ngày 17/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định của Chính phủ về biên phòng, biên giới quốc gia.

Tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, thống nhất để phân bổ nguồn lực công khai, minh bạch, khách quan, phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công và vốn sự nghiệp; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030.2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

Việc xây dựng Nghị quyết bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng; tuân thủ Hiến pháp, luật và các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật; kế thừa các quy định còn phù hợp, đồng thời khắc phục những bất cập phát sinh từ thực tiễn; bảo đảm tính khả thi, công khai, minh bạch và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã giao Công an tỉnh Lâm Đồng chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết.

Trong quá trình xây dựng dự thảo, Công an tỉnh Lâm Đồng đã tổ chức rà soát các quy định của pháp luật có liên quan; khảo sát, đánh giá tình hình thực tiễn, nghiên cứu kinh nghiệm của các địa phương; tổ chức lấy ý kiến các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Quá trình soạn thảo đã tuân thủ theo nguyên tắc, trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các ý kiến tham gia góp ý đã được Công an tỉnh tiếp thu, giải trình, hoàn chỉnh hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định; đồng thời, Công an tỉnh cũng đã có báo cáo tiếp thu, giải trình, hoàn chỉnh hồ sơ theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số …./BC-STP ngày …/...../2026 trước khi báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định; các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh đều đã có ý kiến thống nhất với nội dung Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh do Công an tỉnh soạn thảo.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục của dự thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết gồm 07 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách nhà nước

Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách nhà nước

Điều 5. Định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Điều 7. Hiệu lực thi hành

2. Nội dung cơ bản

Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách nhà nước

1. Tiêu chí phân bổ cho các đơn vị cấp tỉnh:

a) Nhiệm vụ của Chương trình do Sở, ngành, đơn vị được giao chủ trì thực hiện theo quyết định, kế hoạch của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Khối lượng nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và nhu cầu vốn để thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm và dự toán ngân sách địa phương hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc được bổ sung, điều chỉnh theo quy định của pháp luật.

c) Nội dung, tính chất và phạm vi của nhiệm vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ, khả năng thực hiện của sở, ngành; bảo đảm không trùng lặp về nội dung chi và đối tượng thụ hưởng với nhiệm vụ đã phân cấp cho địa phương, nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác hoặc nhiệm vụ chi khác đã được bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của sở, ngành.

d) Kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả giải ngân vốn trong các năm trước liền kề.

2. Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các cấp xã: Tổng số vốn phân bổ cho cấp xã được xác định bằng tổng số vốn còn lại sau khi phân bổ cho cấp tỉnh và được phân chia theo tiêu chí, hệ số như sau:

a) Tiêu chí, hệ số gốc phân bổ cho các địa phương theo đối tượng xã

- Xã, phường, đặc khu không ma túy: hệ số 1,0.
- Xã, phường, đặc khu trọng điểm, phức tạp về ma túy loại III: hệ số 1,5.
- Xã, phường, đặc khu trọng điểm phức tạp về ma túy loại II: hệ số 2,0.
- Xã, phường, đặc khu trọng điểm phức tạp về ma túy loại I: hệ số 3,0.

Cơ sở đề xuất:

Căn cứ khoản 2 Điều 4 Quyết định số 05/2026/QĐ-TTg quy định Hệ số phân bổ cho các địa phương theo đối tượng xã: "*Hệ số gốc: a) Xã, phường, đặc khu không ma túy: hệ số 1,0; b) Xã, phường, đặc khu trọng điểm, phức tạp về ma túy loại III: hệ số 1,5; c) Xã, phường, đặc khu trọng điểm phức tạp về ma túy loại II: hệ số 2,0; d) Xã, phường, đặc khu trọng điểm phức tạp về ma túy loại I: hệ số 3,0. Hệ số tăng thêm: Xã, phường, đặc khu có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Hệ số gốc tăng thêm 1,5 lần*".

Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 7 Quyết định số 28/2025/QĐ-TTg quy định Kỳ báo cáo và đánh giá: "*1. Kỳ đánh giá và báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 năm sau. Lực lượng Công an cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp tự rà soát, đánh giá, xếp loại và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy, địa bàn*

không ma túy cấp xã. 2. Công an cấp tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt tuyến trọng điểm phức tạp về ma túy tại địa phương, địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy, địa bàn không ma túy cấp xã và tự đánh giá, xếp loại địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy, địa bàn không ma túy cấp tỉnh với địa phương mình; tổng hợp báo cáo Bộ Công an trước ngày 20 tháng 12 hằng năm. 3. Bộ Công an xem xét, phê duyệt tuyến trọng điểm phức tạp về ma túy liên tỉnh, địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy, địa bàn không ma túy cấp tỉnh trước ngày 30 tháng 12 hằng năm để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ".

Vì vậy, kết quả rà soát, đánh giá phê duyệt hằng năm về tuyến, địa bàn trọng điểm, phức tạp về ma túy, địa bàn không ma túy trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng theo Quyết định số 28/2025/QĐ-TTg được sử dụng để xác định hệ số phân bổ cho các địa phương theo nguyên tắc sử dụng kết quả rà soát đánh giá của năm liền kề trước năm ngân sách làm căn cứ để xác định hệ số phân bổ cho năm ngân sách là hoàn toàn hợp lý.

b) Tiêu chí, hệ số tăng thêm:

Đối với xã, phường, đặc khu có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hệ số xác định tại điểm a khoản này được nhân với 1,5 lần.

Cơ sở đề xuất:

Tại khoản 2, Điều 4 Quyết định số 05/2026/QĐ-TTg có quy định: "*Hệ số tăng thêm "xã, phường, đặc khu" có kinh tế - xã hội khó khăn, thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Hệ số gốc tăng thêm 1,5 lần*"

Việc xác định xã, phường vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khu vực: theo Quyết định số 60/QĐ-BDTTG của Bộ Dân tộc và Tôn giáo và Quyết định số 184/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III, giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng làm căn cứ xác định hệ số tăng thêm.

Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất quy định hệ số tăng thêm như trong dự thảo Nghị quyết là phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng xã, phường, đặc khu bảo đảm đáp ứng nguyên tắc phân bổ vốn theo Quyết định số 05/2026/QĐ-TTg.

c) Hệ số xã biên giới

Ngoài hệ số nêu trên, xã biên giới được cộng thêm hệ số 0,5; hệ số cộng thêm này chỉ áp dụng một lần đối với mỗi xã biên giới.

Cơ sở đề xuất:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 3 Quyết định số 05/2026/QĐ-TTg quy định *"Căn cứ điều kiện, đặc thù, tình hình phức tạp về ma túy của từng địa phương, vùng, miền, các địa phương, các cấp, các ngành chủ động phân bổ, sử dụng nguồn lực linh hoạt, phù hợp để thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật và nguyên tắc phân cấp, phân quyền".*

Việc xác định xã biên giới theo Phụ lục I kèm theo Nghị định số 299/2025/NĐ-CP ngày 17/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các

Nghị định của Chính phủ về biên phòng, biên giới quốc gia làm căn cứ xác định hệ số tăng thêm.

Đồng thời, tỉnh Lâm Đồng là tỉnh biên giới, có 05 xã biên giới tiếp giáp với 02 huyện của tỉnh Mondulkiri (*Campuchia*) là: Ô Răng, Pechanđa. Việc ưu tiên phân bổ vốn đối với các xã biên giới là phù hợp với quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của tỉnh nhằm bảo đảm ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội khu vực biên giới.

Tỉnh Lâm Đồng có 124 xã, phường, đặc khu, trong đó có 94 xã, phường, đặc khu là địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy loại III; 01 xã, phường, đặc khu là địa bàn trọng điểm phức tạp loại II và 29 xã, phường, đặc khu không ma túy; 100 xã, phường, đặc khu thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III, giai đoạn 2026 - 2030. Việc lựa chọn hệ số 0,5 chỉ áp dụng đối với 05 xã biên giới không làm mất cân đối hoặc phân bổ quá lớn cho một nhóm địa bàn là phù hợp.

Vì vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất cộng thêm hệ số 0,5 đối với xã biên giới so với xã không thuộc khu vực biên giới là phù hợp.

Điều 5. Định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước

1. Phương pháp xác định mức phân bổ vốn cho đơn vị cấp tỉnh: Căn cứ nhiệm vụ và nhu cầu vốn để thực hiện nhiệm vụ của Chương trình do Sở, ngành, đơn vị được giao chủ trì thực hiện theo quyết định, kế hoạch của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phương pháp xác định mức phân bổ vốn cho cấp xã: Tổng số vốn phân bổ cho cấp xã được xác định bằng tổng số vốn thực hiện Chương trình sau khi đã phân bổ cho cấp tỉnh. Số vốn phân bổ cho cấp xã được tính như sau:

$V = \frac{T}{K}$ x H

V: Số vốn phân bổ cho cấp xã.

T: Tổng số vốn được giao cho cấp xã.

K: Tổng hệ số của tất cả cấp xã.

H: Tổng hệ số của từng cấp xã bằng: Hệ số gốc nhân với 1,5 nếu thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, sau đó cộng 0,5 nếu là xã biên giới.

Cơ sở đề xuất:

Đây là cùng một biểu thức toán học và cách trình bày nhằm thuận tiện cho việc áp dụng.

Thực hiện điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 "*1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quyết định: a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên*".